TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ UÔNG BÍ** **TỈNH QUẢNG NINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 20/11/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ UÔNG BÍ - TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Thanh Hải.

Các Hội thẩm nhân dân: ông Thái Quang Định và ông Nguyễn Tiến Tập.

- ***Thư ký phiên tòa***: ông Lê Trung Nghĩa - thư ký tòa án nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí tham gia phiên tòa***: bà Nguyễn Bích Diệp - kiểm sát viên.

Ngày 20/11/2019, tại hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí xét xử công khai sơ thẩm vụ án thụ lý số 116 ngày 14/8/2019 về tranh chấp hôn nhân gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40 ngày 07/10/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 34/2019/QĐST-HNGĐ ngày 30/10/2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1984, trú tại tổ 7, khu 3, phường Vàng Danh, thành phố Uông Bí, Quảng Ninh, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt;

- Bị đơn: anh Nguyễn Xuân D, sinh năm 1977, trú tại tổ 7, khu 3, phường Vàng Danh, thành phố Uông Bí, Quảng Ninh, vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Xuân D kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Vàng Danh, thành phố Uông Bí ngày 29/9/2006, do hai bên phát sinh mâu thuẫn nên chị H đã nộp đơn lên tòa án đề nghị giải quyết ly hôn với anh D.

Về con chung: Có một con chung là Nguyễn Ngọc A (sinh ngày 07/02/2007), chị H đề nghị được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu anh D cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Chị H đề nghị tự thỏa thuận giải quyết.

Trong đơn đề nghị xét xử vắng mặt, chị H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện nói trên.

Về phần bị đơn là anh D, trong quá trình giải quyết vụ án tòa án đã tống đạt văn bản hợp lệ nhưng anh D không đến làm việc, không có mặt tại phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, không có mặt tại phiên tòa dân sự sơ thẩm.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 13/8/2019, cháu Ánh trình bày trong trường hợp bố mẹ ly hôn thì nguyện vọng của cháu muốn được ở với mẹ vì mẹ hiểu cháu hơn.

Tại biên bản xác minh ngày 20/9/2019 tại khu 3, phường Vàng Danh, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh, tòa án được khu trưởng cung cấp thông tin như sau: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Xuân D kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Vàng Danh, thành phố Uông Bí ngày 29/9/2006, về chung sống một thời gian thì hai bên phát sinh mâu thuẫn do tính cách không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống, chị H đã ly thân với anh D từ năm 2018 và đã về D Triều sinh sống, nay chị có đơn ly hôn đề nghị tòa án giải quyết theo pháp luật. Về con chung và tài sản chung đề nghị giải quyết theo pháp luật.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí phát biểu quan điểm:

- Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử;

- Về quan điểm giải quyết vụ án:

+ Có căn cứ chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn;

+ Đề nghị cho nguyên đơn ly hôn với bị đơn, giao con chung Nguyễn Ngọc Ánh cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng và anh D không phải cấp dưỡng;

+ Về tài sản chung: hai bên tự thỏa thuận nên không đề cập.

Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Việc thụ lý và giải quyết vụ án dân sự về tranh chấp hôn nhân gia đình giữa các đương sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Do bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do và không có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, còn nguyên đơn vắng mặt và có đơn đề nghị tòa án xét xử vắng mặt. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: chị H và anh D được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và đăng ký kết hôn hợp pháp. Sau khi về chung sống một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính cách không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống, ly thân từ 2018 đến nay.

Hội đồng xét xử xét thấy quan hệ hôn nhân chỉ thật sự đạt được khi xuất phát từ ý chí, nguyện vọng và sự tự nguyện của hai bên, trên cơ sở tôn trọng, quan tâm, chia sẻ, giúp đỡ nhau, cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc. Nhưng chị H và anh D đã không làm được điều này, thời gian ly thân của anh chị từ năm 2018 đến nay là đã khá lâu nhưng anh D không có giải pháp gì để cải thiện tình trạng mâu thuẫn giữa hai bên.

Tại phiên tòa này chị H vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn trong đơn đề nghị xét xử vắng mặt, còn anh D được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến tòa án làm việc mà không trình bày lý do gì với tòa án, điều đó cho thấy anh D đã không còn quan tâm đến cuộc hôn nhân của mình với chị H nữa. Như vậy, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh D đã thật sự sâu sắc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, việc chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là phù hợp với thực tế và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình.

[2.2] Về con chung: Có một con chung là Nguyễn Ngọc Ánh (sinh ngày 07/02/2007).

Theo biên bản lấy lời khai của cháu Ánh thì nguyện vọng của cháu là muốn được chung sống với mẹ, Hội đồng xét xử thấy rằng nguyện vọng của cháu phù hợp với quy định pháp luật, ngoài ra, cháu là con gái, việc để cháu chung sống với mẹ sẽ đảm bảo điều kiện tốt nhất trong quá trình phát triển tâm sinh lý của cháu. Chị H không yêu cầu cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu Ánh cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, anh D không phải cấp dưỡng.

[2.3] Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.4] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228, điểm c khoản 2 Điều 266, khoản 4 Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, điều 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân gia đình; điểm b khoản 1 Điều 3, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chị Nguyễn Thị H.

1. Về quan hệ hôn nhân: cho chị Nguyễn Thị H ly hôn với anh Nguyễn Xuân D.

2. Về con chung: chị H trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Ngọc Ánh (sinh ngày 07/02/2007) kể từ ngày bản án này của Tòa án có hiệu lực pháp luật đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Anh D không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị H, anh D có quyền và nghĩa vụ thăm nom chăm sóc giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

Sau khi ly hôn hai bên đương sự vẫn có quyền thỏa thuận thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng con chung hoặc trường hợp bên nào không còn đủ điều kiện trực tiếp nuôi dưỡng con chung thì bên kia có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

3. Về án phí: Chị H phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo biên lai thu số 0000987 ngày 14/8/2019 của Chi Cục thi hành án dân sự thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh. Chị H đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo của các đương sự: Chị H và anh D có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật./.

<u>Nơi gửi</u>:
- Nguyên đơn, bị đơn;
- UBND phường Vàng Danh;
- VKSND Tp. Uông Bí;
- Chi cục THADS Uông Bí;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- Lưu hồ sơ

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Thanh Hải